



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2016

Ngành: **ĐÔNG PHƯƠNG HỌC**
 Chuyên ngành: **Hàn quốc học**
 Mã số ngành: **52220213**
 Khoa: **Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài**

Tổng khối lượng kiến thức:

126 tín chỉ tích lũy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
Học kỳ 1											
01	KOR303	Nhập môn ngành Hàn Quốc học	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
02	KOR310	Trải nghiệm ngành, nghề	BB	1			1			K. NN&VHNN	
03	LAW101	Pháp luật đại cương	BB	3	3					K. GDĐC	
04	NAS101	Môi trường và con người	BB	3	3					K. GDĐC	
05	SKL101	Phương pháp học đại học	BB	3	3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 1		12	10	1	1	0	0		
Học kỳ 2											
01	KOR306	Tiếng Hàn Nghe-Nói 1	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
02	KOR304	Tiếng Hàn Đọc 1	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
03	KOR308	Tiếng Hàn Ngữ pháp 1	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
04	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	BB	2	2					K. GDĐC	
05	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	BB	3	3					K. GDĐC	
06	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	BB	3	3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 2		14	11	3	0	0	0		
Học kỳ 3											
01	KOR307	Tiếng Hàn Nghe-Nói 2	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
02	KOR305	Tiếng Hàn Đọc 2	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
03	KOR309	Tiếng Hàn Ngữ pháp 2	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
04	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	BB	3	3					K. GDĐC	
05	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	BB	3	3					K. GDĐC	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
06	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	BB	3	3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 3		15	12	3	0	0	0		
Học kỳ 4											
01	KOR426	Tiếng Hàn Nghe-Nói 3	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
02	KOR419	Tiếng Hàn Đọc 3	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
03	KOR431	Tiếng Hàn Ngữ pháp 3	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
04	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
05		<i>(Chọn 2 trong 5 học phần)</i>	TC	6	6						
	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa		3	3					K. GDĐC	
	MAN201	Quản trị học		3	3					K. GDĐC	
	MAR201	Marketing căn bản		3	3					K. GDĐC	
	PSY201	Tâm lý học đại cương		3	3					K. GDĐC	
	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng		3	3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 4		14	10	4	0	0	0		
Học kỳ 5											
01	KOR427	Tiếng Hàn Nghe-Nói 4	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
02	KOR420	Tiếng Hàn Đọc 4	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
03	KOR432	Tiếng Hàn Ngữ pháp 4	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
04	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	BB	3	2	1				K. NN&VHNN	
05		<i>(Chọn 2 trong 6 học phần)</i>	TC	6							
	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông		3	3					K. GDĐC	
	SOS203	Các nền văn minh thế giới		3	3					K. GDĐC	
	SOS206	Mỹ học đại cương		3	3					K. GDĐC	
	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại		3	3					K. GDĐC	
	ECO201	Kinh tế học đại cương		3	3					K. GDĐC	
	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ		3	3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 5		15	11	4	0	0	0		
Học kỳ 6											
01	KOR428	Tiếng Hàn Nghe-Nói 5	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
02	KOR421	Tiếng Hàn Đọc 5	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
03	KOR435	Tiếng Hàn Viết 1	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
04	KOR414	Địa lý dân cư và kinh tế Hàn Quốc	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
05	KOR415	Lịch sử Hàn Quốc	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
06	KOR441	Văn hóa Hàn Quốc	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
07		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1			3					K. GDĐC	
	CHI201	Tiếng Trung giao tiếp 1			3					K. GDĐC	
	JAP201	Tiếng Nhật giao tiếp 1			3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 6		15	9	6	0	0	0		
Học kỳ 7											
01	KOR411	Biên phiên dịch 1	BB	3	2	1				K. NN&VHNN	
02	KOR429	Tiếng Hàn Nghe-Nói 6	BB	3	2	1				K. NN&VHNN	
03	KOR422	Tiếng Hàn Đọc 6	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
04	KOR436	Tiếng Hàn Viết 2	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
05	KOR439	Thực tập 1 Hàn Quốc học	BB	2			2			K. NN&VHNN	
06		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2			3					K. GDĐC	
	CHI202	Tiếng Trung giao tiếp 2			3					K. GDĐC	
	JAP202	Tiếng Nhật giao tiếp 2			3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 7		15	9	4	2	0	0		
Học kỳ 8											
01	KOR412	Biên phiên dịch 2	BB	3	2	1				K. NN&VHNN	
02	KOR430	Tiếng Hàn Nghe-Nói 7	BB	3	2	1				K. NN&VHNN	
03	KOR423	Tiếng Hàn Đọc 7	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
04	KOR437	Tiếng Hàn Viết 3	BB	2	1	1				K. NN&VHNN	
		<i>(Chọn 2 trong 7 học phần)</i>		4							
	KOR416	Quy tắc giao tiếp trong tiếng Hàn		2	1	1				K. NN&VHNN	
	KOR438	Tiếng Hàn viết luận		2	1	1				K. NN&VHNN	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
05	KOR434	Tiếng Hàn thư tín	TC	2	1	1				K. NN&VHNN	
	KOR424	Tiếng Hàn kinh thương		2	1	1				K. NN&VHNN	
	KOR418	Tiếng Hàn du lịch		2	1	1				K. NN&VHNN	
	KOR417	Tiếng Hàn bất động sản		2	1	1				K. NN&VHNN	
	KOR442	Văn học Hàn Quốc		2	1	1				K. NN&VHNN	
		Tổng Học kỳ 8		14	8	6	0	0	0		
Học kỳ 9											
01	KOR542	Thực tập tốt nghiệp	BB	3			3			K. NN&VHNN	
02	KOR543	Khóa luận tốt nghiệp	TC	9					9	K. NN&VHNN	
03		<i>Các HP thay thế KLTN:</i>	TC	9							
	KOR413	Biên phiên dịch 3		3	2	1				K. NN&VHNN	
	KOR433	Tiếng Hàn ngữ pháp nâng cao		3	2	1				K. NN&VHNN	
	KOR425	Tiếng Hàn Nghe Nói 8		3	2	1				K. NN&VHNN	
		Tổng Học kỳ 9		12	6	3	3	0	9		

- Ghi chú:**
1. Các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh: học tập trung trong thời gian hè, theo lịch của Trường.
 2. Các học phần Giáo dục thể chất sẽ được bố trí theo kế hoạch chung của toàn trường.
 3. Các học phần Kỹ năng mềm, Ngoại ngữ - Tin học chuẩn đầu ra: sinh viên liên hệ Viện Doanh trí Văn Hiến; Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Lê Sĩ Hải